TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN G** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 468/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1338/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thúy L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số A đường Thống N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Mạc Vĩnh A, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số A đường Thống N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2020 và lời khai tại tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thúy L trình bày:

Bà và ông Mạc Vĩnh A tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36 quyển số 01/99 ngày 05/5/1999 của Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Vũng T, tỉnh Bà R. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, ông A bỏ mặc cho bà phải tự lo toan trang trải

cuộc sống từ năm 2015, khi bà bệnh ông A không một chút quan tâm đến sức khỏe của bà. Bà và ông A ly thân từ năm 2015 đến nay, bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mạc Vĩnh A.

Về con chung: Có 02 con chung tên Mạc Bảo C, sinh ngày 19/11/1999 đã trưởng thành và Mạc Bảo K, sinh ngày 15/9/2012. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng Mạc Bảo K, yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng (theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2020), về cấp dưỡng nuôi con thì tùy ông A (theo bản tự khai ngày 10/11/2020).

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Mạc Vĩnh A trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thúy L tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Vũng T, tỉnh Bà R. Vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy có bất đồng nhỏ nhưng đều giải quyết êm thấm. Vài năm gần đây do việc kinh doanh, kinh tế gia đình có khó khăn nên bà L hay cáu gắt nhưng theo ông không cần phải ly hôn. Ông không đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Mạc Bảo C, sinh ngày 19/11/1999 đã trưởng thành và Mạc Bảo K, sinh ngày 15/9/2012. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Huỳnh Thúy L vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn ông Mạc Vĩnh A vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu ly hôn với ông A là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Mạc Bảo C, sinh ngày 19/11/1999 đã trưởng thành và Mạc Bảo K, sinh ngày 15/9/2012; giao bà L trực tiếp nuôi dưỡng Mạc Bảo K, ông A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Thúy L nộp đơn khởi kiện vụ án ly hôn với ông Mạc Vĩnh A, ông Mạc Vĩnh A có địa chỉ cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Huỳnh Thúy L có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Mạc Vĩnh A theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông A vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu các đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thúy L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Mạc Vĩnh A;

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Huỳnh Thúy L và ông Mạc Vĩnh A tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36 quyển số 01/99 ngày 05/5/1999 của Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Vũng T, tỉnh Bà R, như vậy hôn nhân giữa bà L và ông A là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ Phường 16, quận G có nội dung bà L và ông A đang cư trú tại đường Thống N và có hai con chung Mạc Bảo C và Mạc Bảo K; các thông tin khác chưa có cơ sở để xác minh.

Nguyên đơn bà L xác định mâu thuẫn giữa bà và ông A ngày càng trầm trọng, ông A bỏ mặc cho bà phải tự lo toan trang trải cuộc sống từ năm 2015, khi bà bệnh ông A không một chút quan tâm đến sức khỏe của bà. Theo bản tự khai ngày 10/11/2020, ông A cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy có bất đồng nhỏ nhưng đều giải quyết xong, gần đây do việc kinh doanh, kinh tế

gia đình có khó khăn nên bà L hay cáu gắt nhưng không cần phải ly hôn nên ông A không đồng ý ly hôn. Sau đó Tòa án đã thực hiện việc tống đạt nhiều lần nhưng ông A không đến Tòa. Như vậy, cho thấy ông A không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc. Mục đích hôn nhân giữa bà L và ông A không đạt được, mâu thuẫn giữa đôi bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc gia đình là phải được xây dựng từ sự tự nguyện, từ tình cảm của cả hai phía, bà L khẳng định tình cảm không còn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông A là có cơ sở để chấp nhận; ông A không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ là không có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Mạc Bảo C, sinh ngày 19/11/1999 đã trưởng thành và Mạc Bảo K, sinh ngày 15/9/2012. Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng Mạc Bảo K, đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con theo ý kiến của ông A là 3.000.000 đồng/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo bản tự khai ngày 10/11/2020 của ông A, ông A xác định trong trường hợp ly hôn, ông đồng ý theo yêu cầu của bà L, ông đồng ý giao bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mạc Bảo K, sinh ngày 15/9/2012 và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên bà L yêu cầu trực tiếp nuôi đưỡng cháu Mạc Bảo K là có cơ sở để chấp nhận. Theo bản tự khai ngày 10/11/2020, ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà Huỳnh Thúy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn nhưng được cấn trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0027434 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thúy L đã nộp đủ án phí.

Ông Mạc Vĩnh A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thúy L được ly hôn với ông Mạc Vĩnh A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36 quyển số 01/99 ngày 05/5/1999 của Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Vũng T, tỉnh Bà R cấp cho bà Huỳnh Thúy L và ông Mạc Vĩnh A không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: 02 con chung tên Mạc Bảo C, sinh ngày 19/11/1999 đã trưởng thành và Mạc Bảo K, sinh ngày 15/9/2012.

Bà Huỳnh Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng Mạc Bảo K, sinh ngày 15/9/2012.

Ông Mạc Vĩnh A cấp đưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng), kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án trên khoản tiền chưa thi hành án.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí về ly hôn, bà Huỳnh Thúy L phải chịu nhưng được cấn trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0027434 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thúy L đã nộp đủ án phí.

Ông Mạc Vĩnh A phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc